TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/DS-PT
Ngày: 20 - 7 - 2021
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Võ Công Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2021/TBTL-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2021/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1939 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tr: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1962 (Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2015) (có mặt).

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Văn H, sinh năm 1956 (có mặt).

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Chị Đặng Thị Oanh K, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

3. Chị Đặng Thị Hồng D, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

4. Chị Đặng Thị Mỹ N, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

5. Anh Đặng Thanh L, sinh năm 1984 (có mặt).

Trú tại: Thôn H, thị trấn A, huyện A, tỉnh Bình Định.

6. Anh Đặng Minh H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

7. Anh Đặng Trung K, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

8. Chị Đặng Thị Mỹ Du, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

9. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Đặng Văn H, trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Đặng Thị L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị Tr và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số hiệu 249 tờ bản đồ số 5 diện tích 150m^2 tọa lạc thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định là một phần của thửa đất rất rộng do ông bà nội của bà (tức cha mẹ chồng của bà Huỳnh Thị Tr) là cụ Đặng V, cụ Đỗ Thị H (chết năm nào bà L không nhớ) tạo lập. Trước khi qua đời, khoảng năm 1960 vợ chồng cụ V, cụ H cắt chia cho cha mẹ của bà là cụ Đặng Đ (chết 1967), bà Huỳnh Thị Tr một phần đất có giới cận: Bắc tiếp giáp với đường liên xã (nay là tỉnh lộ 635), Tây giáp với bờ tre (phía Tây của bờ tre này là đất ao trũng và đất thổ mộ), Đông giáp lối đi vào nhà và đất của cha mẹ bà và phần đất còn lại của vợ chồng cụ V, cụ H, Nam là lối đi làm ranh giới giữa phần đất của cha mẹ bà được chia và phần đất còn lại của vợ chồng cụ V, cụ H.

Sau khi được chia đất, trong năm 1960 cha mẹ bà tiến hành xây dựng 01 ngôi nhà trên phần đất đã được chia. Ngôi nhà được xây dựng với kết cấu

khung gỗ, vách trát đất, mái lợp ngói vỉ cá làm bằng chất liệu cát trộn ximăng. Diện tích xây dựng ngôi nhà khoảng (4 x 9)m, mặt tiền của ngôi nhà quay về hướng Nam, sử dụng lối đi ở phía Nam để đi ra tỉnh lộ 635 (nay là đường Đ). Sau khi xây dựng ngôi nhà này, cha mẹ bà quản lý, sử dụng đến năm 1967 thì cha bà qua đời. Sau khi cụ Đ chết, bà và mẹ bà (bà Tr) tiếp tục quản lý, sử dụng ngôi nhà này cho đến khi bà lập gia đình ra ở riêng. Năm 1989 vợ chồng bà xây dựng một ngôi nhà khác ở cùng thôn P, xã C, huyện P để vợ chồng ở riêng. Thực tế, phần đất ông bà nội bà chia cho cha mẹ bà khoảng 350m^2, nhưng quá trình đăng ký kê khai, không biết nguyên nhân gì đến ngày 01/8/1998 UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ bà (bà Huỳnh Thị Tr) chỉ ghi nhận 150m^2 đất ở; số vào sổ cấp GCN: 0718-PG$_4$/QSDĐ/E12.

Cha mẹ của ông Đặng Văn H là cụ Đặng Th là con trai trưởng của vợ chồng cụ V, cụ H. Lúc ông bà nội bà còn sống, vợ chồng cụ Th sống chung nhà với vợ chồng cụ V tại nhà từ đường xây dựng trên thửa đất khác. Do vậy, phần đất ở phía Nam có diện tích rộng hơn thì ông bà nội của bà chia cho vợ chồng cụ Th sử dụng canh tác hoa màu. Sau khi vợ chồng cụ Th qua đời, ông Đặng Văn H quản lý, sử dụng thửa đất này xây dựng nhà ở vào khoảng năm 1990. Quá trình thực hiện chính sách về đất đai, vợ chồng ông H đăng ký kê khai và được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này cùng năm 1998.

Sau khi vợ chồng bà làm nhà ra ở riêng, vì ngôi nhà của cha mẹ bà đã mục nát, bị bão làm sập đổ một phần nên vợ chồng bà đưa bà Tr về nhà riêng của vợ chồng bà ở, thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Lợi dụng ngôi nhà đã sập đổ, không có người ở nên ông H chiếm đất của cha mẹ bà để sử dụng làm sân phơi, phá dỡ hàng rào cây xanh làm ranh giới để chiếm toàn bộ thửa đất của vợ chồng bà Tr. Từ năm 1998 đến nay, ông H đứng ra cản trở không cho mẹ bà làm lại nhà ở, mặc dù mẹ bà đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998 và cấp phép xây dựng từ năm 2000.

Năm 2015 mẹ bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả lại thửa đất nêu trên và buộc ông H phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Tr. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, do ông H tháo dỡ toàn bộ hàng rào ranh giới, thay đổi hiện trạng cũ của thửa đất nên vụ án bị tạm đình chỉ chờ kết quả giải quyết của UBND huyện P về việc xác định mốc giới bằng sơ đồ kỹ thuật thửa đất của hộ bà Tr. Do thời gian giải quyết vụ án kéo dài, ngày 24/7/2020 mẹ bà có đơn thay đổi, bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện. Theo đó, bà Tr yêu cầu vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Nguyễn Thị Ch phải trả lại cho bà Tr giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất số hiệu 249 tờ bản đồ số 5 diện tích 150m^2 đất ở tọa lạc thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định hiện bị vợ chồng ông H chiếm giữ theo giá thị trường tại thời điểm hiện nay.

Bị đơn ông Đặng Văn H, trình bày:

Ông chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tr. Bởi vì, diện tích 150m^2 đất hiện nay bà Tr khởi kiện đòi vợ chồng ông trả lại giá trị quyền sử dụng đất có nguồn gốc là một phần của thửa đất hương hỏa có diện tích 9 sào 10 thước từ đời ông bà cao của ông để lại. Đến thời ông nội ông là cụ Đặng V (chết năm 1967) được chế độ cũ Việt Nam Trung Kỳ Chánh Phủ cấp trích lục đứng tên cụ Đặng V. Sau khi ông bà nội ông qua đời thì cha mẹ ông là vợ chồng cụ Đặng Th, Lâm Thị Đ được thừa hưởng. Năm 1971 cụ Th chết, mẹ ông là cụ Đ và vợ chồng ông tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất này canh tác hoa màu và làm nhà ở cho vợ chồng ông vào năm 1990.

Việc bà Tr đăng ký, kê khai và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Tr như thế nào thì ông không biết. Ông chỉ biết vào năm 1963, lúc này ông còn rất nhỏ, không biết ông bà nội của ông cho đất hay chuyển quyền sử dụng đất bằng hình thức nào, nhưng ông thấy vợ chồng cụ Đặng Đ, bà Huỳnh Thị Tr đến xây dựng một ngôi nhà ở vị trí phía Bắc của thửa đất này, tiếp giáp với tỉnh lộ 635 ngày nay. Ngôi nhà được xây dựng với kết cấu khung gỗ, mái lợp ngói xi măng, tường trát đất, nền một phần được láng xi măng, một phần là nền đất, diện tích xây dựng khoảng 20 - 30m^2, trước nhà của vợ chồng cụ Đ có đất sân phơi, xung quanh nhà có hàng rào cây xanh được trồng chủ yếu là cây chìa vôi. Tổng diện tích đất gắn liền với ngôi nhà của vợ chồng cụ Đ bao nhiêu ông không biết. Phần đất còn lại ngoài ranh giới nhà và đất của cụ Đ do ông bà nội của ông quản lý sử dụng trồng cây lâu năm và hoa màu như ông đã trình bày trên.

Quá trình thực hiện chính sách về đất đai, hộ gia đình ông đăng ký kê khai và được UBND huyện P cấp giấy chứng nhân quyền sử dụng đất vào ngày 16/01/1998, số thửa 248, tờ bản đồ số 05 diện tích 1.900m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 1.700m^2 đất vườn); số vào sổ CNQSDĐ 0293-PG_2/QSDĐ/E_{12}. Cũng trong năm 1998 nhà của vợ chồng cụ Đ, cụ Tr bị sập đổ chỉ còn lại mấy cây cột gỗ, bà Tr và con gái của bà Tr là chị Đặng Thị L tháo dỡ nhà cũ bỏ lại nền đất trống có diện tích 23,2m^2 (diện tích này do Hội đồng định giá do Tòa án thành lập do vẽ và xác định diện tích vào ngày 10/11/2015). Hiện nay gia đình ông sử dụng nền móng nhà cũ của bà Tr để vun 01 đống rơm. Do vậy, nay bà Tr kiện đòi lại đất thì ông chỉ chấp nhận trả lại cho bà Tr diện tích đất theo nền móng cũ là 23,2m^2. Còn việc bà Tr đòi lại đất hay giá trị bằng tiền thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch, chị Đặng Thị Oanh K, chị Đặng Thị Hồng D, chị Đặng Thị Mỹ N, anh Đặng Thanh L, anh Đặng Minh H, anh Đặng Trung K, chị Đặng Thị Mỹ Du:

Đã nhiều lần được Tòa án triệu tập đến Tòa án tham gia tố tụng, nhưng bị đơn ông Đặng Văn H cho rằng, vợ và các con ông không liên quan gì đến vụ án nên ông cản trở, không cho họ đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ

tham gia tố tụng của mình. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên cố ý lẩn tránh nên Tòa án không thể tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tr về việc yêu cầu vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Nguyễn Thị Ch phải trả lại cho bà giá trị quyền sử dụng thửa đất số hiệu 249 tờ bản đồ số 5, diện tích 150m^2 đất ở tọa lạc thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện P, tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/8/1998; số vào sổ 0718 PG_4 QSDĐ/E12.

Buộc vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Nguyễn Thị Ch phải trả lại cho bà Huỳnh Thị Tr và những người thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đặng Đ 525.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền giá trị quyền sử dụng thửa đất thổ cư số hiệu 249 tờ bản đồ số 5, diện tích 150m^2 tọa lạc thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định hiện ông H đang chiếm giữ, sử dụng.

Vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Nguyễn Thị Ch được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất thổ cư số hiệu 249 tờ bản đồ số 5, diện tích 150m^2 tọa lạc thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định sau khi trả lại giá trị quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho bà Tr và những người thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đặng Đ 525.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng) do bà Tr đại diện nhận.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 25/11/2020 bị đơn ông Đặng Văn H, kháng cáo không đồng ý với nội dung Bản án dân sự sơ thẩm, ông H yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch, chị Đặng Thị Hồng D, chị Đặng Thị Oanh K, chị Đặng Thị Mỹ N, anh Đặng Minh H, anh Đặng Trung K và chị Đặng Thị Mỹ Du đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Đặng Văn H, thấy rằng:

[2.1] Thửa đất số hiệu 249, tờ bản đồ số 5, diện tích 150m^2 đất ở tọa lạc thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện P cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị Tr tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 0718-PG$_4$/QSDĐ/E12 ngày 01/8/1998. Liền kề thửa đất 249 là thửa đất có số hiệu 248, tờ bản đồ số 5, diện tích 1900m^2 (200m^2 đất ở, 1700m^2 đất vườn) là thửa đất của hộ ông Đặng Văn H đã được UBND huyện P cấp quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 0293-PG$_2$/QSDĐ/E$_{12}$ vào ngày 16/01/1998. Hai thửa đất này các bên đương sự đều khai thống nhất là có nguồn gốc từ một thửa (trước năm 1960) do vợ chồng cụ Đặng V, Đỗ Thị H tạo lập. Nhưng ông H cho rằng ông là cháu nội nên đương nhiên được hưởng toàn bộ thửa đất 248 và 249 của ông bà để lại và hiện hộ gia đình ông đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/01/1998; số vào sổ CNQSDĐ 0293-PG$_2$/QSDĐ/E$_{12}$ (BL: 69 đến 72; BL: 139 đến 142). Lời trình bày và ý kiến phản bác của ông H là không có căn cứ pháp luật. Bởi lẽ, cả hộ gia đình bà Tr và hộ gia đình ông H xác lập quyền sử dụng đất trên cơ sở nguồn gốc đất là do vợ chồng cụ V, cụ H chia cho các con là cụ Đặng Đ (chồng bà Tr) và Đặng Th (cha ông H) lúc vợ chồng cụ Đặng V còn sống. Khoảng năm 1960 – 1963, vợ chồng bà Tr đã xây dựng một ngôi nhà trên thửa đất được phân chia. Còn phần đất chia cho vợ chồng cụ Th trước năm 1990 được sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm, canh tác hoa màu. Sau khi cụ Th chết, năm 1990 vợ chồng ông H tiến hành xây dựng nhà ở trên phần đất được chia cho vợ chồng cụ Th. Theo văn bản phúc đáp số 260/UBND-TNMT ngày 08/4/2016 và văn bản phúc đáp số 1022/UBND-TNMT ngày 23/9/2019 của UBND huyện P thì quá trình thực hiện chính sách về đất đai, hộ gia đình bà Tranh và hộ gia đình ông H đều đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và đều được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Theo đó, ngày 16/01/1998 hộ gia đình ông Đặng Văn H được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 248 tờ bản đồ số 5 diện tích 1.900m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 1.700m^2 đất vườn. Ngày 01/8/1998 hộ gia đình bà Huỳnh Thị Tr được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 249 tờ bản đồ số 5, diện tích 150m^2 đất ở.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Tr và hộ gia đình ông H là công nhận quyền sử dụng theo hiện trạng thực tế. Căn cứ vào các tài liệu địa chính được lưu giữ tại UBND xã C như Sổ mục kê, sổ địa chính, tờ bản đồ chỉnh lý 299 thì diện tích 02 thửa đất nêu trên trùng khớp với với diện tích được ghi nhận trong 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho 02 hộ. Riêng thửa đất số 248, tờ bản đồ số 5 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông H, theo nội dung biên bản xác minh ngày 17/02/2016 và ngày 24/4/2020 tại UBND xã C, đối chiếu với Sổ mục kê lập năm 1995 và bản đồ chỉnh lý 299 lưu giữ tại UBND xã C thì thực tế thửa đất này do hộ gia đình ông H sử dụng với diện tích 2.370m^2, nhưng nhà nước chỉ công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông H 1.900m^2, phần diện tích đất còn lại 470m^2 là đất thổ mộ. Theo bản đồ số 40 đo vẽ năm 2014 (dự án Vlap), sau khi cắt bỏ diện tích thổ mộ thì hiện nay hộ gia đình ông H đang sử dụng 2.042,1m^2. Mặt khác, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chính ông H cũng đã thừa nhận, trước năm 1998 trên phần đất hiện bà Tr khởi kiện đòi lại đất có ngôi nhà của vợ chồng bà Tr xây dựng vào năm 1963, trước ngôi nhà này có sân đất, xung quanh có hàng rào cây xanh (chủ yếu là cây chìa vôi) làm ranh giới và hiện nay trên phần đất này vẫn còn nền móng nhà cũ của vợ chồng bà Tr để lại.

[2.2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất số hiệu 249 tờ bản đồ số 5, diện tích 150m^2, loại đất ở, tọa lạc thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Tr là hợp pháp. Việc ông Đặng Văn H chiếm giữ, sử dụng thửa đất nêu trên là không có căn cứ pháp luật nên án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn H, giữ nguyên phần nội dung Bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự:

[3.1] Chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Nguyễn Thị Ch phải chịu toàn bộ chi phí cho việc đo đạc, định giá tài sản vào ngày 10/11/2015 và định giá lại ngày 26/8/2020 là 7.000.000 đồng. Bà Đặng Thị L đã nộp tạm ứng số tiền nêu trên và đã chi phí xong nên buộc vợ chồng ông H hoàn lại cho bà Lợi 7.000.000 đồng

[3.2] Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Đặng Văn H bà Nguyễn Thị Ch là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì vợ chồng ông H bà Ch được miễn. Án sơ thẩm buộc vợ chồng ông H bà Ch phải chịu án phí là không đúng, do đó Hội đồng xét xử sửa án phí dân sự sơ thẩm.

[3.3] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì vợ chồng ông H bà Ch được miễn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn H.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định, về phần án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tr về việc yêu cầu vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Nguyễn Thị Ch phải trả lại cho bà giá trị quyền sử dụng thửa đất số hiệu 249 tờ bản đồ số 5, diện tích 150m^2 đất ở tọa lạc thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

4. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Nguyễn Thị Ch phải trả lại cho bà Huỳnh Thị Tr và những người thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đặng Đ 525.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền giá trị quyền sử dụng thửa đất thổ cư số hiệu 249 tờ bản đồ số 5, diện tích 150m^2 tọa lạc thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định hiện ông H đang chiếm giữ, sử dụng.

5. Vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Nguyễn Thị Ch được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất thổ cư số hiệu 249 tờ bản đồ số 5, diện tích 150m^2 tọa lạc thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định sau khi trả đủ giá trị quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho bà Tr và những người thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đặng Đ số tiền 525.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng) do bà Tr đại diện nhận.

6. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự:

6.1 Chi phí đo đạc, định giá tài sản: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Buộc vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Nguyễn Thị Ch phải chịu. Bà Đặng Thị L đã nộp tạm ứng số tiền nêu trên nên buộc vợ chồng ông H, bà Ch phải hoàn lại cho bà Đặng Thị L 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

6.2 Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Nguyễn Thị Ch được miễn.

Hoàn trả cho ông Đặng Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng áp phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009001 ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký và đóng dấu*)

Đỗ Thị Thắm